

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 7 năm 2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo

Bà Nguyễn Thị Phẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thanh Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 216/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/6/2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Lê Thị T - sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

-Bị đơn: Anh Tống Văn H - sinh năm 1988.

Nơi đăng ký thường trú: Khu 7, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (không rõ địa chỉ cụ thể). Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Thị K - sinh năm 1964

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Tống Văn H có đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 28/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Khánh (nay là xã T), huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận trong thời gian đầu nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai vợ chồng không hợp nhau, anh H đi xuất khẩu lao động

tại Đài Loan từ năm 2019 nhưng không quan tâm đến gia đình. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa xem xét giải quyết cho chị và anh H ly hôn đồng thời đề nghị những nội dung liên quan cụ thể như sau:

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Tổng Minh H, sinh ngày 01/4/2009 và cháu Tổng Quang H, sinh ngày 16/5/2013. Tại đơn khởi kiện, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 10/5/2023, chị T thay đổi lời khai, đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Tổng Quang H còn đối với cháu Tổng Minh H, chị đề nghị Tòa án tuyên giao anh H trực tiếp nuôi và đề nghị Tòa án tuyên anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thân nhân của anh Tổng Văn H – bà Nguyễn Thị K là mẹ đẻ anh H trình bày:

Con trai bà là anh Tổng Văn H và chị Lê Thị T đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 28/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Khánh (nay là xã T), huyện H, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn, vợ chồng con trai ông bà chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung là các cháu Tổng Minh H, sinh ngày 01/4/2009 và cháu Tổng Quang H, sinh ngày 16/5/2013. Về sau, anh H đi lao động tại Đài Loan, thỉnh thoảng mới về thăm nhà; lần gần nhất anh H về Việt Nam là ngày 26/11/2022 và tiếp tục sang Đài Loan lao động từ ngày 26/12/2022 cho đến nay. Khoảng đầu năm 2022, bà thấy vợ chồng anh H, chị T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T ngoại tình trong thời gian anh H ở nước ngoài. Một thời gian sau, bà thấy giữa anh H, chị T lại có sự hàn gắn.

Hiện nay, anh H vẫn đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, thường xuyên liên lạc qua điện thoại với bà để hỏi thăm tình hình sức khỏe và đời sống hàng ngày của gia đình; tuy nhiên, vì anh H không có chỗ ở ổn định mà phải thuê nhà ở Đài Loan nên anh H không cho bà biết địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Loan. Anh H có nhờ bà nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án gửi trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị T. Bà đồng ý nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án trong vụ án này, cam kết thông báo ngay nội dung văn bản qua điện thoại và giao lại tận tay các văn bản này cho anh H khi có điều kiện giao.

Qua điện thoại, anh H cho biết quan điểm của anh H về việc giải quyết vụ án để bà thông báo lại cho Tòa án như sau: Anh H không đồng ý ly hôn với chị T mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ và xác định cả hai có 02 con chung như chị T khai. Trường hợp phải ly hôn, anh H đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung mà không yêu cầu chị T pH cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian anh H ở nước ngoài, anh H nhờ bà trực tiếp nuôi 02 con chung hộ anh H. Khi nào anh H về nước thì sẽ đón các con về nuôi.

Quan điểm của bà là đồng ý nhận nuôi 02 cháu H, H thay cho anh H trong thời gian anh H ở nước ngoài và bà không yêu cầu ai pH cấp dưỡng cho bà nuôi

các cháu. Khi nào anh H về nước, bà sẽ giao lại 02 cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Cháu Tống Minh H là con chung của anh Tống Văn H và chị Lê Thị T trình bày nguyện vọng như sau:

Thời gian qua, cháu thấy bố mẹ cháu xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau. Nay mẹ cháu làm đơn xin ly hôn bố cháu, trong trường hợp bố mẹ cháu phải ly hôn thì cháu xin được ở với bố cháu là Tống Văn H vì bố cháu là người quan tâm cháu nhiều hơn. Hiện nay, cháu đang sống cùng với bà nội là bà Nguyễn Thị K nên trong thời gian bố cháu ở nước ngoài, cháu đề nghị Tòa án tạm giao cháu cho bà K nuôi dưỡng. Khi nào bố cháu về nước thì bà K giao lại cháu cho bố cháu trực tiếp nuôi.

Cháu Tống Quang H là con chung của anh Tống Văn H và chị Lê Thị T trình bày nguyện vọng như sau:

Trong trường hợp bố mẹ cháu phải ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ cháu là Lê Thị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc T thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng các quy định tại Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Tống Văn H.

Về con chung: Giao cháu Tống Minh H, sinh ngày 01/4/2009 cho anh Tống Văn H trực tiếp nuôi sau khi ly hôn. Trong thời gian anh H đang ở nước ngoài thì tạm giao cháu H cho bà Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng đến khi anh H về nước đón cháu H.

Giao cháu Tống Quang H, sinh ngày 16/5/2013 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Người nào không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị T nộp đơn xin ly hôn anh Tổng Văn H tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị T trình bày hiện anh H đang sống và làm việc tại Đài Loan. Tại văn bản số 6571/QLXNC - P5 ngày 28/3/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận anh Tổng Văn H đã xuất nhập cảnh 07 lần, xuất cảnh lần gần nhất ngày 26/12/2022 và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quan hệ tranh chấp được xác định trong vụ án là quan hệ “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Tổng Văn H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận thời gian đầu. Tuy nhiên, về sau, do vợ chồng tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung nên giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Anh H hiện đang ở Đài Loan, chị T chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh H, không cung cấp được địa chỉ của anh H ở nước ngoài cho Tòa án. Qua xác minh, bà Nguyễn Thị K - sinh năm 1964; địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện H, tỉnh Phú Thọ là mẹ đẻ của anh H xác nhận anh H hiện đang ở Đài Loan, anh H vẫn thường xuyên gọi điện cho bà nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể của anh H tại Đài Loan nên bà không cung cấp được địa chỉ của anh H ở Đài Loan cho Tòa án. Căn cứ công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Theo như trình bày của bà Nguyễn Thị K về quan điểm của anh Tổng Văn H thì anh H không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ với chị Lê Thị T. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của chị T, bà K, cháu H thì giữa anh H và chị T có mâu thuẫn, anh H đi lao động tại nước ngoài, khoảng cách địa lý dẫn tới thiếu sự chia sẻ và cảm thông lẫn nhau giữa hai vợ chồng, chị T xác định không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn anh H. Anh H qua lời trình bày của bà K xin đoàn tụ với chị T nhưng trong suốt quá trình tiến hành tố tụng vụ án, anh H không quay trở lại Việt Nam trình bày quan điểm của mình tại Tòa án để thể hiện thiện chí muốn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị T và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn với anh H là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử thấy rằng chị T và anh H có 02 con chung là các cháu Tổng Minh H, sinh ngày 01/4/2009 và cháu Tổng Quang H, sinh ngày 16/5/2013. Tại đơn khởi kiện, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con chung sau khi ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị T thay đổi quan điểm đề nghị được nuôi cháu nhỏ là cháu Tổng Quang H còn đối với

cháu lớn là cháu Tổng Minh H thì đề nghị giao anh H nuôi. Quan điểm của anh H nếu ly hôn xin được nuôi 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng theo quan điểm của cháu Tổng Quang H có nguyện vọng được ở với mẹ và cháu Tổng Minh H có nguyện vọng ở với bố, để bảo đảm quyền lợi của con trẻ và quyền lợi của bố mẹ nên giao cháu H cho anh H nuôi dưỡng và giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Do cháu H đang ở với bà K và bà K nhận tạm nuôi cháu H cho đến khi anh H về nước nên cần giao cháu H cho anh H và giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi sau khi anh H, chị T ly hôn. Trong thời gian anh H ở nước ngoài thì tạm giao cháu H cho bà K nuôi cho đến khi anh H về nước đón cháu H là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Do chị T không yêu cầu và anh H không có trình bày tại Tòa án nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Tổng Văn H.

2. Về con chung:

- Giao cháu Tổng Minh H, sinh ngày 01/4/2009 cho anh Tổng Văn H trực tiếp nuôi cho đến khi cháu H thành niên và lao động tự túc được.

- Giao cháu Tổng Quang H, sinh ngày 16/5/2013 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi cho đến khi cháu H thành niên, lao động tự túc được.

Anh H và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trong thời gian anh Tổng Văn H ở nước ngoài thì tạm giao cháu Tổng Minh H cho bà Nguyễn Thị K nuôi dưỡng đến khi anh H về Việt Nam.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 26; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức T, miễn giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000475 ngày 07/4/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS+AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Toàn